CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2024

CTCP Tập đoàn Bamboo Capital

Ngày 30/09/2024	6,540 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-1.8%	-	-

DT thuần
Q3/24
1,138
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 23.0| 2.1%
YoY: ▲ 120| 11.8%

LN thuần
Q3/24
384
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 86.0| 28.7%
YoY: ▲ 358| 1387%

LN sau thuế
Q3/24
331
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 12.0| 3.8%
YoY: ▲ 322| 3524%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/24
56.0%
YoY: +/-▼ 5.3%

ROE (TTM)
Q3/24
1.2%
YoY: +/-▲ 0.7%

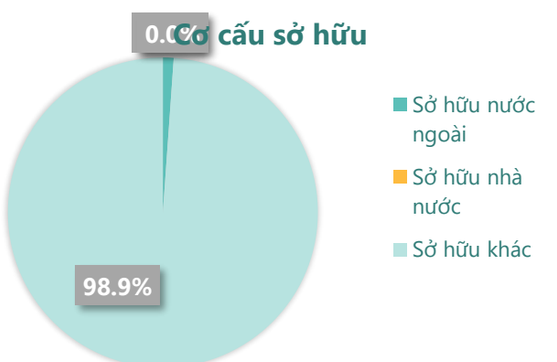
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	6,280 - 9,073
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	5,757
Số lượng CPLH (CP)	880,210,644
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,605,509
Sở hữu nước ngoài	1.1%
Beta	1.31
EPS	242
P/E	27.1

DT thuần
9T 2024
3,238
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 405| 14.3%

LN thuần
9T 2024
755
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 526| 230%

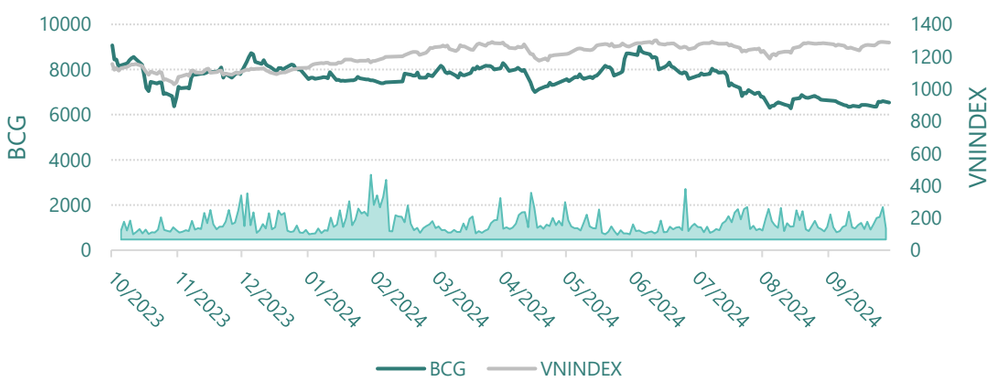
LN sau thuế
9T 2024
748
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 563| 305%

Cơ cấu sở hữu

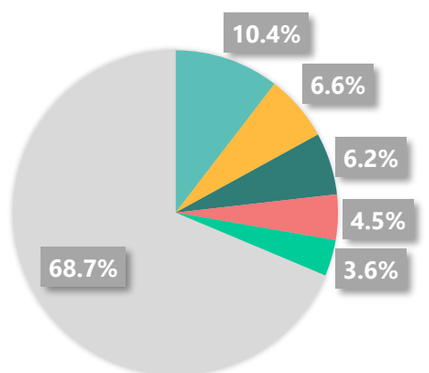


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

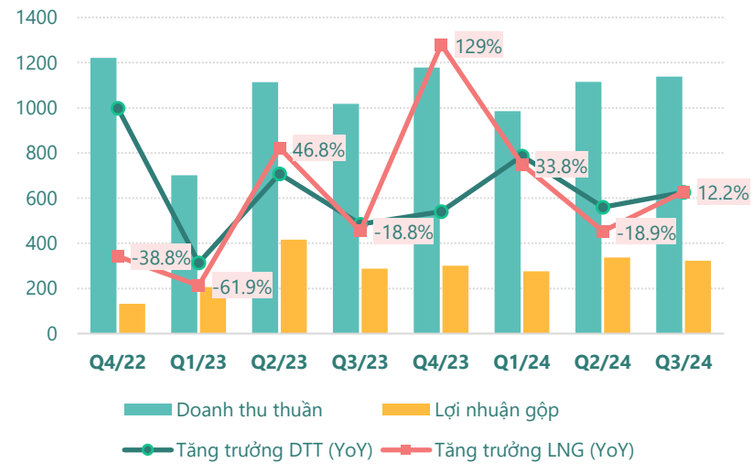


- Nguyễn Hồ Nam
- Công ty TNHH MTV NHN
- CTCP Regeneration Investment
- CTCP Đầu tư và Dịch vụ Helios
- CTCP Vital Investments Group
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

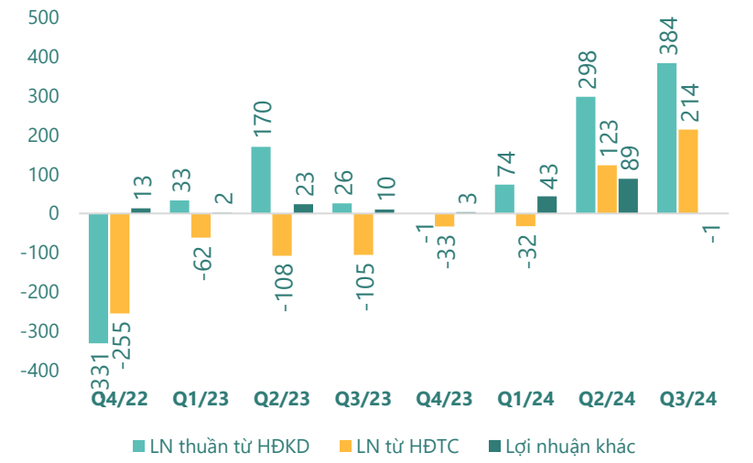
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



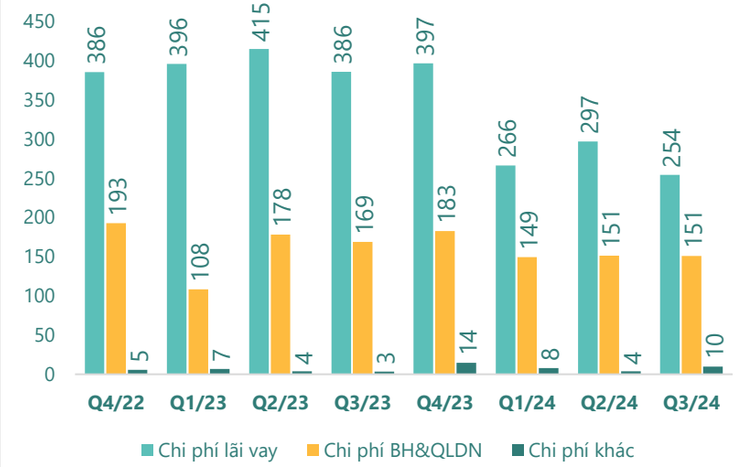
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



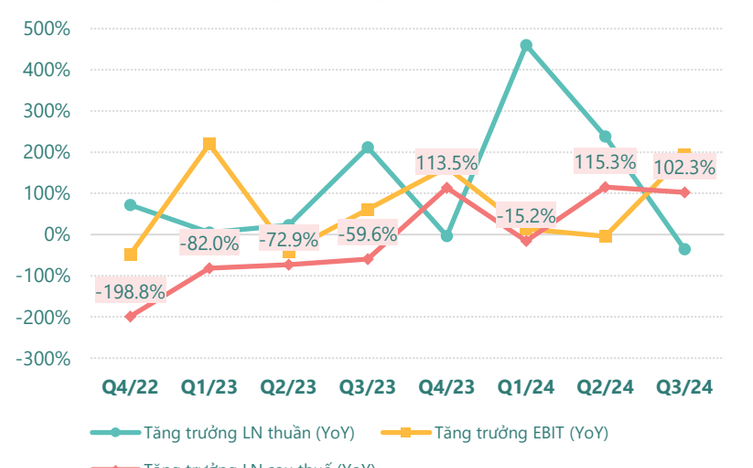
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



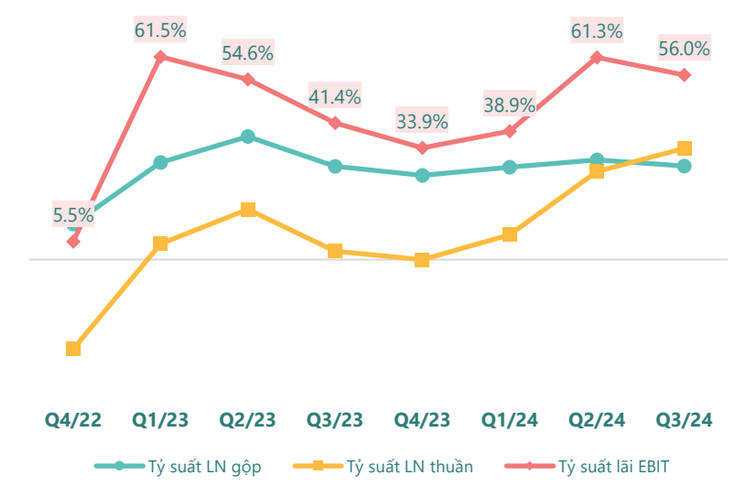
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



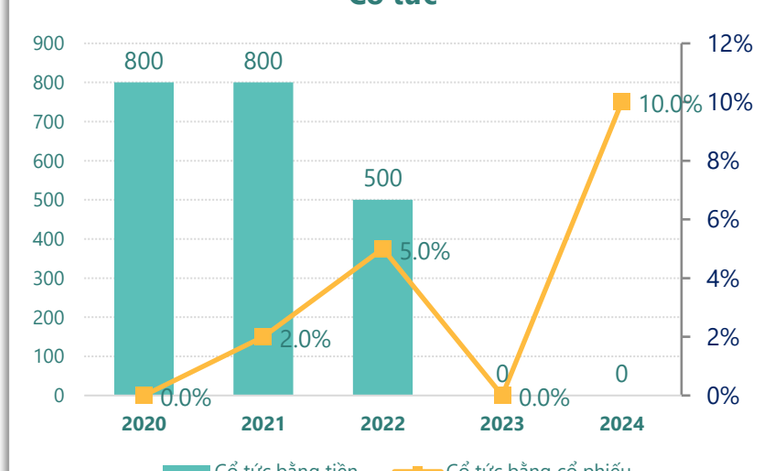
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

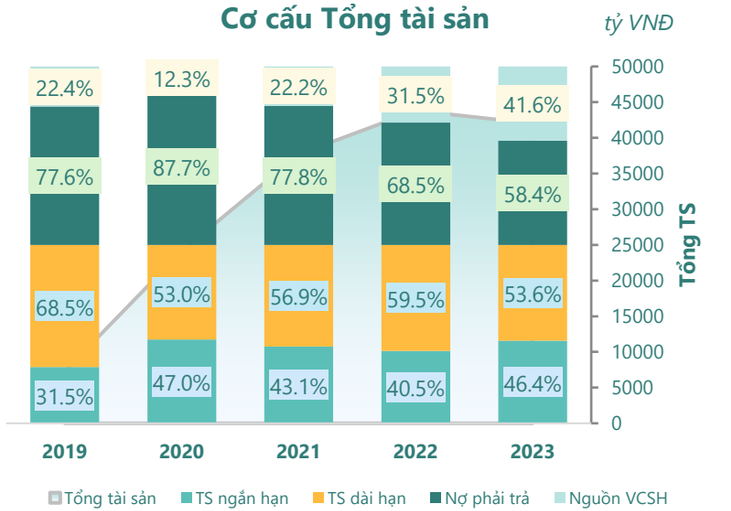
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

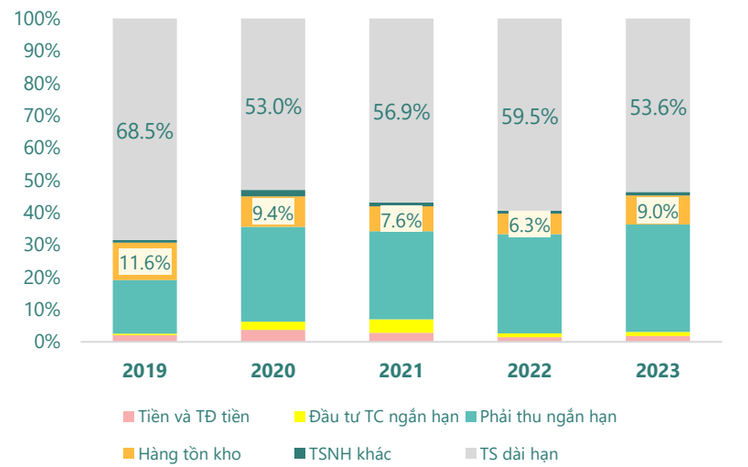
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



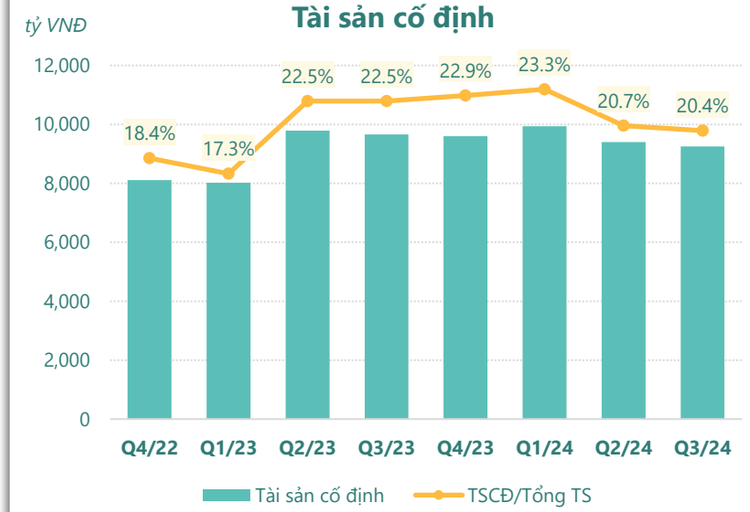
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



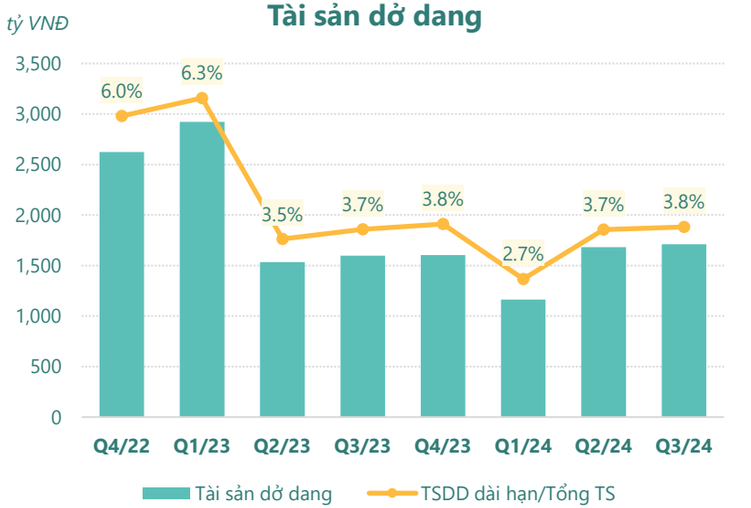
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



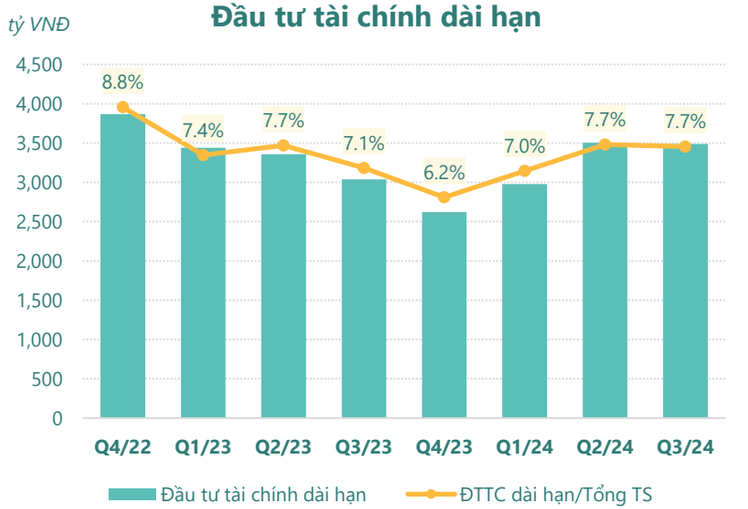
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



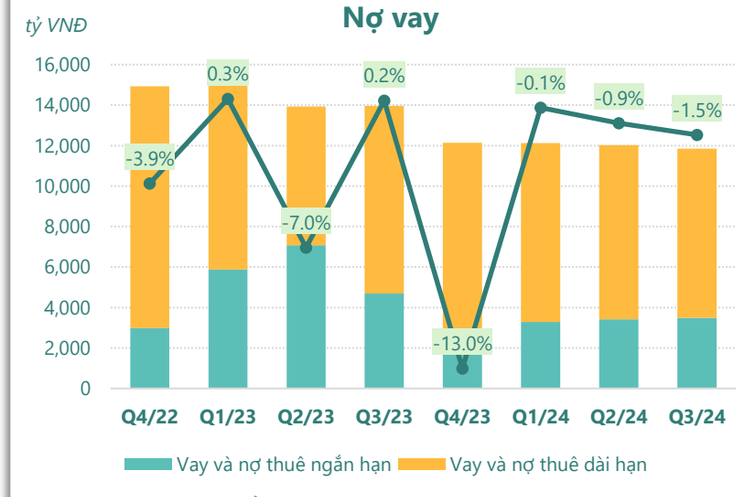
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

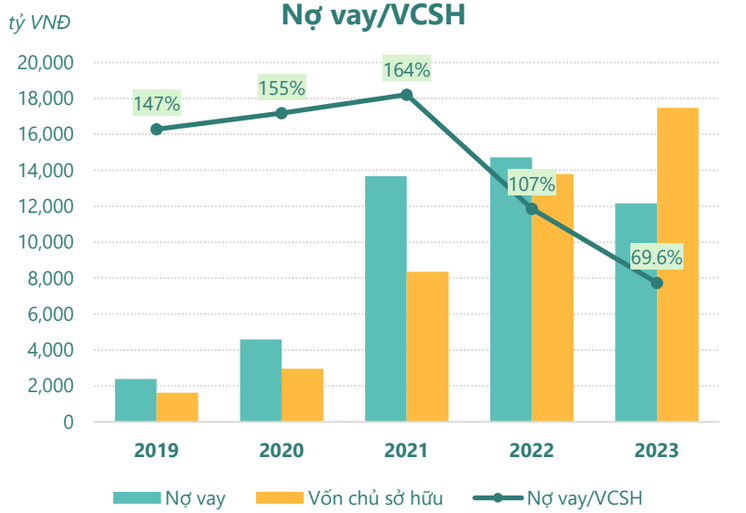
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

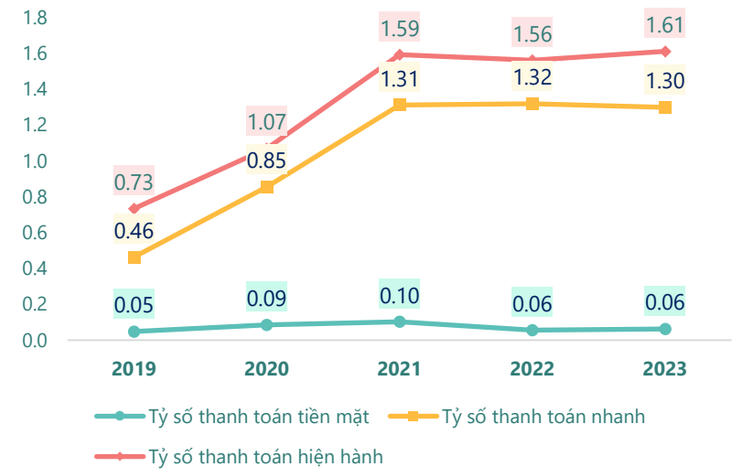
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



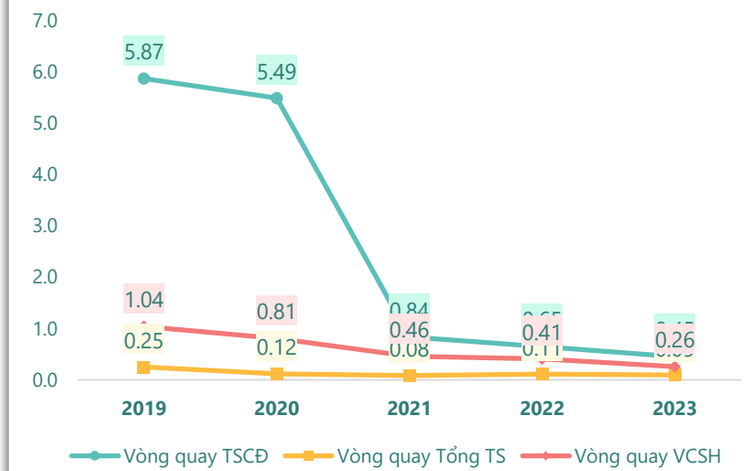
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



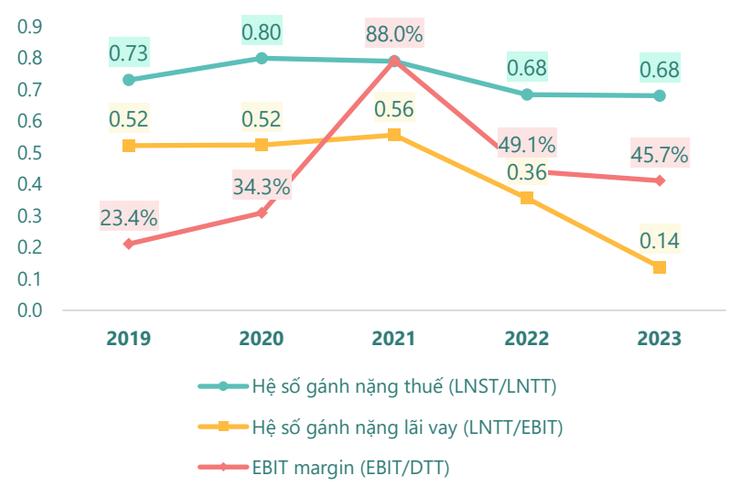
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



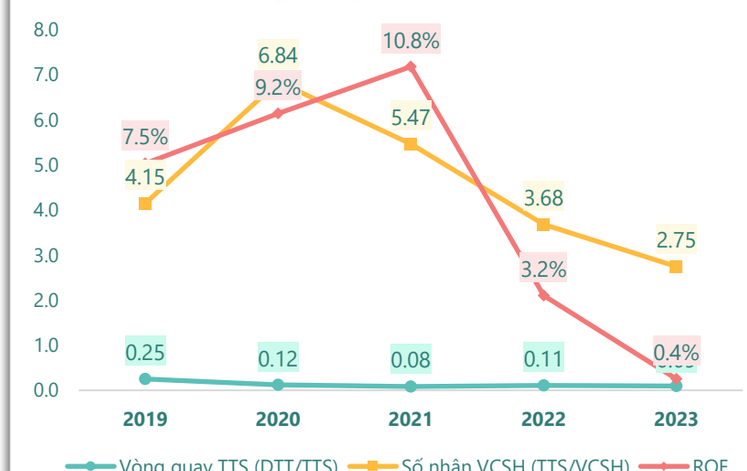
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



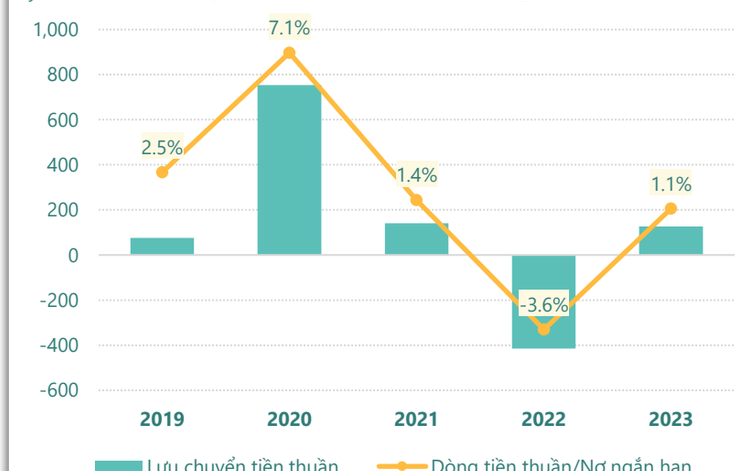
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**1,138**	**1,018**	**11.8%**	**3,238**	**2,833**	**14.3%**
Giá vốn hàng bán	815	730	11.6%	2,302	1,924	19.7%
Lợi nhuận gộp	323	288	12.2%	936	910	2.9%
Doanh thu HĐTC	497	526	-5.6%	1,459	1,641	-11.1%
Chi phí TC	282	631	-55.2%	1,155	1,916	-39.7%
Chi phí lãi vay	254	386	-34.1%	818	1,196	-31.7%
LN trong công ty LKLD	**-2.55**	**12.2**	**-121%**	**-34.0**	**50.1**	**-168%**
Chi phí bán hàng	33.0	54.8	-39.7%	123	151	-18.4%
Chi phí QLDN	**118**	**114**	**3.5%**	**328**	**304**	**7.9%**
LN thuần từ HĐKD	384	25.8	1387%	755	229	230%
Lợi nhuận khác	**-1.17**	**9.97**	**-112%**	**131**	**35.7**	**266%**
LN trước thuế	382	35.8	968%	886	265	235%
Lợi nhuận sau thuế	**331**	**9.14**	**3524%**	**748**	**185**	**305%**
LNST của CĐ cty mẹ	**132**	**5.69**	**2212%**	**277**	**140**	**98.6%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	844	-8.43	-1,420	-98.3	-1,746	-897
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	38.6	-353	1,058	-298	99.3	460
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-749	280	465	61.8	2,404	-259
Tiền đầu kỳ	601	735	653	757	422	1,180
Lưu chuyển tiền thuần	**134**	**-81.8**	**104**	**-335**	**757**	**-695**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.08	0.35	-0.07	0.12	0.20	0.86
Tiền cuối kỳ	735	653	757	422	1,180	485

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**45,408**	**42,009**	**8.1%**
Tài sản ngắn hạn	21,088	19,479	8.3%
Tiền và tương đương tiền	485	757	-35.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	573	541	5.8%
Phải thu ngắn hạn	15,757	13,941	13.0%
Hàng tồn kho	3,631	3,775	-3.8%
Tài sản ngắn hạn khác	642	464	38.5%
Tài sản dài hạn	**24,320**	**22,531**	**7.9%**
Phải thu dài hạn	9,222	8,129	13.4%
Tài sản cố định	9,256	9,605	-3.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1,710	1,609	6.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	3,487	2,666	30.8%
Tài sản dài hạn khác	**482**	**323**	**49.5%**
Lợi thế thương mại	163	199	-18.1%
Nợ phải trả	24,110	24,542	-1.8%
Nợ ngắn hạn	**11,460**	**12,090**	**-5.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	3,487	3,149	10.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	2,206	1,824	21.0%
Nợ dài hạn	12,650	12,451	1.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	8,354	9,015	-7.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**21,298**	**17,468**	**21.9%**
Vốn chủ sở hữu	**21,298**	**17,468**	**21.9%**
Vốn điều lệ	8,802	5,335	65.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)